

Số: 72 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý I năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách. UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý I năm 2024, như sau:

1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN):

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý I năm 2024 đạt 8.676 tỷ đồng, bằng 34,0% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 119,9% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 5.572 tỷ đồng, bằng 31,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 104,2% so với cùng kỳ năm 2023.

* Đánh giá một số khoản thu:

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 3.351 tỷ đồng, bằng 39,3% dự toán năm, bằng 104,3% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó thu chủ yếu từ hoạt động của Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 3.246 tỷ đồng, bằng 39,6% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 103,9% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 311 tỷ đồng, bằng 41,9% dự toán năm, bằng 83,4% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.140 tỷ đồng, đạt 29,9% dự toán năm, bằng 113,8% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 247 tỷ đồng, bằng 46,1% dự toán năm, bằng 121,6% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 136 tỷ đồng, bằng 30,2% dự toán năm, bằng 80,1% so với cùng kỳ năm 2023;

+ Các khoản thu còn lại đạt 387 tỷ đồng, bằng 10,8% dự toán năm và bằng 100% so với cùng kỳ năm trước;

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: đạt 3.103 tỷ đồng, bằng 39,9% so với dự toán năm và bằng 164,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, thu ngân sách nhà nước trên địa bàn 3 tháng đầu năm đạt cao so với dự toán tỉnh giao, chủ yếu do giá dầu thô thế giới hiện nay đang ở mức cao so với giá dầu thô dự toán giao (3 tháng đầu năm giá dầu thô bình quân là 87 USD/thùng, trong khi giá giao dự toán là 70 USD/thùng), số thu từ hoạt động của NMLD Dung Quất đạt 39,6% dự toán tỉnh và bằng 103,9% so cùng kỳ. Một số khoản thu đạt và vượt tiến độ dự toán giao như: Thu từ khu vực Doanh nghiệp nhà nước (đạt 39,3%), Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (đạt 41,9%), Thuế thu nhập cá nhân (đạt 46,1%), Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết

(đạt 37,4%). Tuy nhiên, vẫn có những khoản thu đạt khá thấp như: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản tại xã (đạt 6,3%), Thu tiền sử dụng đất (đạt 4,5%) do các dự án tỉnh triển khai theo kế hoạch chủ yếu thực hiện trong Quý 3 và Quý 4/2024.

c) Thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp đạt 5.099 tỷ đồng, bằng 31,4% dự toán năm và bằng 104,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN)

Tổng chi ngân sách địa phương Quý I năm 2024 đạt 2.570 tỷ đồng, bằng 13,8% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 101% so với cùng kỳ năm 2023; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương Quý I năm 2024 là 2.456 tỷ đồng, bằng 15% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 101,9% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển: 389 tỷ đồng, bằng 7,6% so với dự toán năm và bằng 86,6% so với cùng kỳ năm 2023.

- Chi thường xuyên: 2.065 tỷ đồng, bằng 19,8% so với dự toán năm và bằng 105,4% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó:

+ Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề: 792 tỷ đồng, bằng 19,6% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình: 246 tỷ đồng, bằng 24,4% dự toán năm;

+ Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể: 485 tỷ đồng, bằng 27% dự toán năm;

+ Chi sự nghiệp kinh tế: 121 tỷ đồng, bằng 6,4% dự toán năm;

+ Chi đảm bảo xã hội: 217 tỷ đồng, bằng 27,4% dự toán năm;

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,140 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đạt 114 tỷ đồng, bằng 5,1% dự toán năm, bằng 85,6% so với cùng kỳ năm 2023.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý I năm 2024 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.KTTH.Tien104.



Trần Hoàng Tuấn

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.550.600	8.675.784	34,0	119,9
I	Thu cân đối NSNN	25.420.000	8.675.784	34,1	157,9
1	Thu nội địa	17.640.000	5.572.239	31,6	104,2
2'	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	7.780.000	3.103.545	39,9	164,3
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
III	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	130.600		0,0	0,0
B	TỔNG CHI NSDP	18.594.982	2.569.660	13,8	101,0
I	Chi cân đối NSDP	16.370.720	2.455.715	15,0	101,9
1	Chi đầu tư phát triển	5.095.015	388.519	7,6	86,6
2	Chi thường xuyên	10.414.028	2.064.742	19,8	105,4
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.100	1.314		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0	49,2
5	Dự phòng ngân sách	406.003			
6	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	451.434			
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	2.224.262	113.945	5,1	85,6
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	130.600			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	25.550.600	8.675.784	34,0	119,9
I	Thu nội địa	17.640.000	5.572.239	31,6	104,2
1	Thu từ khu vực DNNN	8.518.000	3.351.304	39,3	104,3
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	743.000	311.376	41,9	83,4
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.814.000	1.140.315	29,9	113,8
4	Thuế thu nhập cá nhân	535.000	246.601	46,1	121,6
5	Thuế bảo vệ môi trường	450.000	135.875	30,2	80,1
6	Lệ phí trước bạ	185.000	45.638	24,7	88,2
7	Thu phí, lệ phí	175.000	52.920	30,2	121,9
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.696.000	130.432	4,8	72,8
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>				
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	12.000	850	7,1	86,6
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	2.600.000	117.121	4,5	76,4
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	54.000	8.168	15,1	150,8
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	30.000	4.293	14,3	22,2
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	98.000	36.258	37,0	481,5
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000		0,0	0,0
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	112.000	41.894	37,4	131,3
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	12.000	756	6,3	17,7
13	Thu khác ngân sách	300.000	78.870	26,3	113,7
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	7.780.000	3.103.545	39,9	164,3
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	7.455.000	2.836.930	38,1	154,6
2	Thuế xuất khẩu	150.000	33.022	22,0	173,4
3	Thuế nhập khẩu	150.000	214.072	142,7	784,1
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		4		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	24.000	18.460	76,9	250,7
6	Thu khác	1.000	1.057	105,7	952,3
IV	Thu viện trợ				
V	Thu vay vốn để bù đắp bội chi	130.600		0	
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	16.240.120	5.098.662	31,4	104,3
1	Từ các khoản thu phân chia	12.711.570	4.716.433	37,1	105,0
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.528.550	382.229	10,8	96,2

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSĐP	18.594.982	2.569.660	13,8	101,0
A	CHI CÂN ĐỐI NSĐP	16.370.720	2.455.715	15,0	101,9
I	Chi đầu tư phát triển	5.095.015	388.519	7,6	86,6
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.941.015	333.519	6,8	81,6
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	154.000	55.000	35,7	137,5
II	Chi thường xuyên	10.414.028	2.064.742	19,8	105,4
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	4.049.321	792.314	19,6	118,1
2	Chi khoa học và công nghệ	30.170	3.974	13,2	86,1
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	1.007.129	245.841	24,4	135,0
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	137.671	29.220	21,2	105,6
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	42.201	5.209	12,3	98,4
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	48.215	8.189	17,0	109,3
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	204.935	22.570	11,0	45,6
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.896.181	120.639	6,4	48,9
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.798.107	484.934	27,0	117,7
10	Chi bảo đảm xã hội	790.750	216.883	27,4	94,7
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.100	1.314	42	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0	49,2
V	Dự phòng ngân sách	406.003			
VI	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	451.434			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP	2.224.262	113.945	5,1	85,6
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	1.129.903	55.847	4,9	190,0
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	723.570	49.098	6,8	47,3
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	370.789	9.000	2	